TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Y **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **27**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 15/01/2021.
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Y – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Thanh Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Nữa

2. Ông Trần Đức Nhì.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Hiên – Thư ký Tòa án nhân dân Quận Y, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Mai Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 538/2020/TLST-HNGĐ ngày 15/10/2020 về việc "Ly hôn**"**, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/12/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh N.A.P, sinh năm 1992.
Địa chỉ: D.H, D.M, D.M, tỉnh Đắk Nông.
Địa chỉ liên lạc: B.T, Phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- Bị đơn: Chị N.T.T , sinh năm 1991.
Địa chỉ: D.H, D.M, D.M, tỉnh Đắk Nông.
Địa chỉ tạm trú: Đường S, Phường D, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - Anh N.A.P trình bày:

Anh N.A.P và Chị N.T.T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 82, ngày 19/7/2016 do Ủy ban nhân dân D.M, D.M, tỉnh Đắk Nông cấp.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, trong quá trình chung sống xảy ra nhiều bất đồng quan điểm, không cùng chung quan điểm, thường xuyên cự cãi, cuộc sống vợ chồng không đạt được, hiện nay vợ chồng đã ly thân hơn 01 năm.

Mâu thuẫn vợ chồng là: Quan điểm sống khác nhau, cụ thể là nguyên đơn cố gắng làm việc còn bị đơn thì không, chỉ thích ở nhà sử dụng điện thoại đọc tiểu thuyết.

Vợ chồng hay cãi vả liên tục, khi xảy ra tranh cãi giữa hai vợ chồng thì thường xuyên đem người nhà, người thân của nguyên đơn vào trong cuộc tranh cãi.

Nguyên đơn giao việc cho bị đơn làm thì không làm được, không chịu làm, chỉ muốn phá. Lên công ty thì thường hay đập phá tài sản trong công ty ví dụ như máy tính vào khoảng thời điểm 10 giờ sáng vào khoảng tháng 4/2019 … Sau khi đập phá tài sản của công ty, nguyên đơn không cho bị đơn vào công ty cũng như không cho đi làm. Khi đó mâu thuẫn trở nên trầm trọng nên nguyên đơn chuyển ra ngoài ở, trước khi mâu thuẫn thì vẫn ở cùng nhà với bị đơn ở đường T, quận B.T nhưng sau khi mâu thuẫn thì nguyên đơn đã dọn ra ngoài sinh sống (ở đường V, Quận B.T) và hai bên đã thống nhất ký ly hôn, nguyên đơn vẫn còn đang lưu giữ.

Sau khi mâu thuẫn xảy ra vào khoảng tháng 4/2019, nguyên đơn đã trả lại nhà ở đường T, quận B.T, dọn về đường V; bị đơn thuê nhà ở địa chỉ số 4 đường S, Phường D, Quận Y.

Sau khi bị đơn thuê nhà ở Quận Y, nguyên đơn có ghé thăm, nhưng sau này vào khoảng tháng 7/2019 không còn liên lạc nữa.

Nay Anh N.A.P xác định không còn tình cảm với Chị N.T.T , nên Anh N.A.P yêu cầu được ly hôn với Chị N.T.T .

- Về con chung: Không có con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, Anh N.A.P không còn ý kiến hay yêu cầu nào khác

Bị đơn - Chị N.T.T trình bày:

Vợ chồng bị đơn cùng học đại học ở TP.HCM, quen nhau từ năm 2010, tốt nghiệp vào năm 2014, vợ chồng bị đơn cùng đi tu nghiệp sinh, đến tháng 8/2015 thì quay về Việt Nam. Thời điểm đó hai bên sinh sống tại quận G.

Đến năm 2016, nguyên đơn và bị đơn cùng đăng ký kết hôn. Sau khi đăng ký kết hôn, thời gian sau thì chuyển về đường T, quận B.T sinh sống.

Thời gian đầu, hai vợ chồng rất khó khăn về kinh tế, hai vợ chồng cùng nhau cố gắng làm việc. Sau này chồng thăng chức lên trưởng phòng vào tháng 4/2017 và lên giám đốc sàn của công ty.

Bắt đầu mâu thuẫn từ khi chồng của bị đơn mở công ty riêng tên là Công ty bất động sản A ở quận B.T. Ngày khai trương công ty của nguyên đơn thì bạn gái cũ (tên H – nhân viên của công ty L, có 10% cổ phần trong công ty A) nhắn tin cho bị đơn với nội dung là : "*hai người đã quen nhau 1 năm, P nói là P vẫn chưa có gia đình, muốn H về làm công ty giúp P, khi H về công ty thì phát hiện là P đã có gia đình, nhưng do H thương P rồi nên vẫn làm bình thường …*" Sau khi sự việc xảy ra, bị đơn có chụp màn hình tin nhắn của chị H gửi cho nguyên đơn để hỏi lý do và đồng thời gửi cho cả gia đình của P, cụ thể là gửi cho chị dâu, hai người em gái ruột, một người chị gái ruột.

Mọi người trong gia đình bắt đầu khuyên can, bị đơn có buồn nhưng cũng bỏ qua vì nguyên đơn nói với bị đơn rằng nguyên đơn nói vậy chỉ là vì muốn người ta về làm giúp mình.

Nhưng sau đó cả hai vẫn đi làm việc bình thường tại cùng một công ty A.

Sau đó, bị đơn phát hiện nguyên đơn ngủ với gái làng chơi thông qua tin nhắn điện thoại (*bị đơn trình bày là xem xong tin nhắn hẹn gái làng chơi vào khách sạn do bực quá nên xóa luôn tin nhắn và quên chụp màn hình lại ; Lần thứ hai là ném luôn điện thoại của P, sau đó tiếp tục cãi nhau và ném luôn ảnh tượng của Chúa ra ngoài vì cho rằng P không xứng đáng, sau đó P ném lại điện thoại của bị đơn*). Mâu thuẫn này gia đình của hai bên đều biết.

Mâu thuẫn chính bắt đầu từ khi cô L.N.T.V (*trước đó là nhân viên văn phòng của Công ty L*) do P kêu T.V về làm việc cho công ty A. Sau khi T.V về làm việc thì bị đơn bắt đầu chuyển giao công việc cho T.V phục trách công việc thư ký và thủ quỹ, trong giai đoạn chuyển giao thì bị đơn vừa làm việc trong công ty và làm việc bên ngoài.

Sau đó bị đơn phát hiện T.V và Phúc có tình cảm với nhau, cụ thể là : có những cử chỉ, hành động thân thiết với nhau (*Bị đơn trình bày không phát hiện tin nhắn*) và nghe tin đồn trong công ty về mối quan hệ của hai người. Sau đó T.V cho P mượn tiền đầu tư (*300 triệu*) để đầu tư vào vốn của công ty A, sau đó P trả lại 500 triệu.

Sau khi nghe được nhiều tin đồn không được tốt về mối quan hệ giữa hai người trong công ty, cho nên bị đơn đề nghị với P là cho cô T.V nghỉ việc, nhưng P không đồng ý vì P cho rằng T.V không có sai trong công việc và P cho rằng bản thân đang mang ơn của T.V nên không thể cho nghỉ việc được, trong khi đang mâu thuẫn, bị đơn đã đập máy vi tính ở công ty (*bị đơn giải thích rằng máy vi tính đó đã bị hỏng, và đó là ngày nghỉ của công ty, trong công ty không có nhân viên, chỉ có bảo vệ và vài nhân viên sinh sống ngay trong công ty*)

Sau đó mối quan hệ giữa P và T.V càng ngày càng thân thiết, và có người trong công ty nói với bị đơn là nhìn thấy hai người hôn nhau trong khách sạn ở Vũng Tàu. T.V thường xuyên đăng những hình ảnh trên Zalo ở chế độ chỉ có một mình bị đơn xem được với nội dung là những hình ảnh thân thiết của T.V với một người đàn ông khác (*bị đơn giải thích bóng dáng thì biết đó là P*), khi T.V biết P về nhà với bị đơn thì T.V với P thường hay cãi nhau và nhân viên trong công ty có nhắn tin cho bị đơn về sự việc trên.

Trong công ty có rất nhiều nhân viên đều biết P và T.V quen nhau và biết T.V là người thứ ba cho nên nhân viên của công ty và đối tác đều biết mối quan hệ của hai người.

Sau khi nhân viên nghỉ việc thì P cho rằng việc nhân viên nghỉ việc, công ty làm ăn không được là do bị đơn dùng tâm linh để quậy phá.

Khi phát hiện P và T.V quen nhau, bị đơn có viết đơn ly hôn với lý do là P không chia tay với T.V thì bị đơn sẽ ly hôn, nhưng không nộp đơn vì chỉ muốn P quay về và gia đình hai bên cũng biết chuyện này.

Trong thời gian xảy ra mâu thuẫn, nguyên đơn thì ở luôn trong công ty, đến tháng 7/2019 thì bị đơn và nguyên đơn dọn về địa chỉ ở Quận Y để sinh sống cho đến hiện

nay.

Sau khi sinh sống được một tuần kể từ ngày dọn nhà về Quận Y, khi P đến công ty thì P với T.V cãi nhau (*cãi nhau về việc P dọn về ở chung với bị đơn ở Quận Y*), P vẫn thừa nhận rằng P đang có tình cảm với T.V, nên P dọn ra ngoài (*dọn về công ty ở địa chỉ V, Quận B.T*).

Nay Chị N.T.T xác định vẫn còn tình cảm với Anh N.A.P.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N.T.T không đồng ý ly hôn với Anh N.A.P

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, Chị N.T.T không còn ý kiến hay yêu cầu nào khác

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu được ly hôn với Chị N.T.T như trong nội dung của các biên bản hòa giải. Giữa nguyên đơn và bị đơn đã có nhiều mâu thuẫn và trở nên trầm trọng sau khi bị đơn đến công ty của nguyên đơn đập phá tài sản trong công ty vào thời điểm tháng 4/2019, kể từ đó nguyên đơn đã ly thân với bị đơn và dọn ra ở riêng cho đến nay. Bây giờ nguyên đơn xác nhận là không thể hàn gắn với bị đơn được nữa nên quyết định ly hôn với bị đơn.

Nguyên đơn xác nhận lại là không có con chung. Về tài sản chung, nợ chung là không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn trình bày: Bị đơn không đồng ý ly hôn với nguyên đơn vì cho rằng nguyên đơn ly hôn do có người khác.

Bị đơn trình bày các nội dung mâu thuẫn của vợ chồng cũng giống như nội dung được ghi nhận trong các lần hòa giải với Hội đồng xét xử.

Bị đơn xác nhận lại là không có con chung. Về tài sản chung, nợ chung là không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: thực hiện đúng các quy định tại Điều 21, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 170, Điều 171, Điều 196, khoản 1 Điều 203, Điều 204, Điều 205, Điều 208, Điều 209, Điều 210, Điều 211, khoản 2 Điều 220, của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cũng như trình tự thủ tục tại phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tiến hành mở phiên tòa đưa vụ án ra xét xử đúng thời gian, địa điểm đã được gih trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định và không thuộc trường hợp phải từ chối hoặc thay đổi người tiến hành tố tụng theo quy định tại Điều 52, 53, 54 Bộ luật tố tụng dân sự.

Thủ tục khai mạc phiên tòa đúng quy định tại Điều 329 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: ông N.A.P và bà N.T.T có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 82 ngày 19/7/2016 tại UBND D.M, huyện D.M, tỉnh Đăk Nông là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo trình bày của nguyên đơn, sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, cụ thể nguyên đơn cố gắng làm việc còn bị đơn ở nhà sử dụng điện thoại, đọc tiểu thuyết, vợ chồng thường xuyên cải vã, khi cãi nhau thì thường đem người thân của nguyên đơn vào cuộc tranh cãi, mâu thuẫn trở nên trầm trọng sau khi bà Thùy đập phá tài sản của công ty và ông P không cho bà T vào công ty làm việc. Khoảng tháng 4/2019, ông P dọn ra ở riêng và vợ chồng đã sống ly thân hơn 01 năm nay. Bị đơn cho rằng ông P có quan hệ bất chính với người phục khác và muốn ly hôn với bà, tuy nhiên bà vẫn còn tình cảm với ông P và không đồng ý ly hôn. Xét thấy, tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình …". Tuy nhiên, cuộc sống hôn nhân của ông P và bà T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không có sự chia sẻ, quan tâm lẫn nhau, tại phiên tòa ông P vẫn thể hiện ý chí muốn ly hôn với bà T vì cho rằng tình cảm dành cho bà T đã hết, nhận thấy mối quan hệ hôn nhân của ông P và bà T không thể hàn gắn được, cuộc sống chung không hạnh phúc nên yêu cầu của ông P được ly hôn với bà T là có căn cứ.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bởi các lẽ trên;

Căn cứ Điều 19, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 203 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Hình thức, nội dung đơn yêu cầu ly hôn của nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Quan hệ hôn nhân của Anh N.A.P và Chị N.T.T phát sinh từ năm 2016, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 là hôn nhân hợp pháp.

Vụ án thuộc trường hợp ly hôn theo yêu cầu của một bên theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Theo kết quả trả lời của Công an Phường 13, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh thì :"*Đương sự N.T.T sinh năm: 1991 có đăng ký lưu trú và cư ngụ tại đường S, Phường D, Quận Y*" nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận Y theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2]. Về nội dung:

Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Theo nguyên đơn trình bày mâu thuẫn vợ chồng phát sinh gay gắt từ tháng 4/2019 khi bị đơn đến công ty của nguyên đơn làm việc để đập phá tài sản trong công ty. Kể từ đó, mâu thuẫn trở nên trầm trọng nên nguyên đơn đã chuyển ra ngoài ở và ly thân cho đến nay. Nguyên đơn xác định không còn tình cảm nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bị đơn. Phía bị đơn xác định vẫn còn tình cảm với nguyên đơn nên không đồng ý ly hôn.

Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình..." nhưng qua lời trình bày của nguyên đơn thì giữa nguyên đơn và bị đơn đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, cả hai đã không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau vun đắp cho cuộc sống gia đình. Từ tháng 4/2019 mâu thuẫn vợ chồng trở nên gay gắt, thường xảy ra gây cãi và đã ly thân cho đến nay. Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải tạo điều kiện cho vợ chồng hàn gắn tình cảm, trở về đoàn tụ nhưng không có kết quả. Bị đơn xác định vẫn còn tình cảm với nguyên đơn nên không đồng ý ly hôn nhưng không đưa được giải pháp để vợ chồng trở về đoàn tụ, xây dựng gia đình hạnh phúc. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở.

Về con chung: Các đương sư trình bày không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự xác định là không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh N.A.P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 189; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh N.A.P.

Về quan hệ hôn nhân: Anh N.A.P được ly hôn với Chị N.T.T .

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh N.A.P trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Giấy chứng nhận kết hôn số: 82, do Ủy ban nhân dân D.M, D.M, tỉnh Đắk Nông cấp ngày 19/7/2016 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh N.A.P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2019/0010683 ngày 15/10/2020 của Chi Cục Thi hành án Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Anh N.A.P đã đóng đủ tiền án phí.

6. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận Y;
- Chi cục Thi hành án Quận Y;
- UBND D.M, D.M, Đắk Nông;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Thanh Sang